

Bản án số: 608 /2026/DS-PT

Ngày: 20 -07- 2026

V/v tranh chấp: “Hợp  
đồng dịch vụ bơm nước tưới  
tiêu”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đạt**

*Các Thẩm phán:* Ông **Sỹ Danh Đạt**

**Bà Nguyễn Ái Đoan**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Mai Gia Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*  
Bà **Phan Thị Thanh Mến** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ bơm nước tưới tiêu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2026/DS-ST ngày 19 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **1171/2026/QĐ-PT** ngày **10** tháng **6** năm 2026 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* **Hợp tác xã N1.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lâm Văn H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H là:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 08/01/2026) .

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phạm

Lê Q thuộc Công ty L (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm A, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Huỳnh Hà Quốc B, sinh năm: 1984 (có mặt);

Địa chỉ : Ấp T, Xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Hợp tác xã N1 do ông Lâm Văn H làm đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Hợp tác xã N1 có phục vụ bơm nước tưới và tiêu cho bà con nông dân canh tác đất lúa nằm trong diện khu A, khóm A, phường A (nay là phường A) với tổng diện tích trong ô bao khoảng hơn 610ha, trong đó có diện tích của bà Nguyễn Thị H1 theo bản đồ 299 là 9.288m<sup>2</sup>, theo bản đồ chính quy là 9.548m<sup>2</sup>. Các hộ dân khác đều nộp tiền thủy lợi phí theo quy định, chỉ có bà Nguyễn Thị H1 thì không nộp. Từ năm 2018 thì Hợp tác xã đã nhiều lần khởi kiện bà H1 được Tòa án nhân dân các cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Sau đó bà H1 tiếp tục không trả tiền phí thủy lợi nên Hợp tác xã N1 B tiếp tục khởi kiện, cụ thể như sau: Vụ hè thu 2024 diện tích đất 9.548m<sup>2</sup> x 180.000đ/1000m<sup>2</sup> = 1.718.640đồng; Vụ thu đông 2024 diện tích đất 9.548m<sup>2</sup> x 180.000đ/1000m<sup>2</sup> = 1.718.640đồng; Vụ đông xuân năm 2025 diện tích đất 9.548m<sup>2</sup> x 180.000đ/1000m<sup>2</sup> = 1.718.640đồng; Vụ hè thu năm 2025 diện tích đất 9.548m<sup>2</sup> x 180.000đ/1000m<sup>2</sup> = 1.718.640đồng. Giá thu phí dịch vụ được họp đại hội thông qua, trước khi đại hội thì đều có thông báo trên đài truyền thanh của địa phương.

Tổng cộng số tiền 04 vụ mùa nêu trên mà Hợp tác xã yêu cầu bà H1 thanh toán là 6.874.560đồng (sáu triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N1 thì bà không đồng ý. Vì nước sử dụng cho đất lúa thì bà tự bơm, rút nước bỏ của mương phèn, của các hộ dân khác, của hầm cá bà T. Bà không sử dụng nước trong đường nước của Hợp tác xã. Do bà không cần Hợp tác xã bơm rút nước nên giá dịch vụ hợp tác xã thu bao nhiêu thì bà không biết, không quan tâm và cũng không có ý kiến. Phần đất lúa của bà trong địa bàn phường A khoảng 9.600m<sup>2</sup> (bà không nhớ số chính xác). Thu nhập từ việc canh tác lúa thì

có khi lờ, khi lỡ nhưng có lúa để gia đình sử dụng. Phần đất ruộng này bà mua của người khác từ năm 2016. Hợp tác xã và Ủy ban nhân dân phường cũng không đến gặp trực tiếp bà để thông báo cho bà biết việc bơm rút nước và thu phí dịch vụ, chỉ đến năm 2018 Hợp tác xã mới đến đòi tiền nên bà không đồng ý, phát sinh tranh chấp từ đó đến nay.

Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự và thành phố H cũng đã xử nhiều lần gồm Thẩm phán T1, Thẩm phán Huỳnh A và Thẩm phán T. Khi Thẩm phán Huỳnh A và Thẩm phán Thống xử thì bà có thể hiện ý kiến là từ đây bà sẽ chấm dứt sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã, không được thừa bà để thu thủy lợi phí nữa nhưng không được xem xét, Tòa án vẫn xử buộc bà trả tiền bơm nước tưới tiêu cho Hợp tác xã. Sau khi xử, bà không đồng ý nên bà đã kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử nhiều lần đều chấp nhận yêu cầu của Hợp tác xã, buộc bà trả tiền cho Hợp tác xã. Các bản án trước đây của Thẩm phán T1 và Thẩm phán Huỳnh A thì bà đã thi hành án xong, đối với bản án của Thẩm phán T thì đến nay bà chưa thi hành do bà không thống nhất.

Nay Hợp tác xã N1 tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà trả tiền thủy lợi phí 04 vụ tiếp theo từ vụ hè thu năm 2024 đến vụ hè thu năm 2025 với số tiền tổng cộng là 6.874.560 đồng thì bà không đồng ý. Phần đất lúa nêu trên vẫn do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, bà không bán hay cho ai thuê. Giá dịch vụ thì Hợp tác xã cũng tự thu nhưng bà không được biết, bà cũng không ý kiến hay yêu cầu gì. Hợp tác xã bơm, rút nước khi nào thì bà cũng không nghe nói, bà cũng không hỏi. Nước dơ của hầm cá bà T (vợ ông N) xả ra đường nước làm cho đất lúa của bà bị thiệt hại nhưng bà không yêu cầu gì đối với bà T. Trước đây, bà có nói với Hợp tác xã bơm nước sạch thì bà sẽ trả tiền theo quy định nhưng Hợp tác xã không quan tâm. Bà có ý kiến muốn chấm dứt việc Hợp tác xã tưới tiêu đối với đất ruộng của bà. Bà không yêu cầu hay tranh chấp với bà chủ hầm cá, bà chỉ không đồng ý trả tiền bơm tưới tiêu cho Hợp tác xã N1. Bà chỉ nghe nói mương phèn này là của các hộ dân khác, còn giấy tờ chứng minh thì bà không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2026/DS-ST ngày 19 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp áp dụng các Điều 166, Điều 513, Điều 515, Điều 518 và Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 11 Luật Hợp tác xã; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 85, Điều 86, Điều 91, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N1 do ông Lâm Văn H làm đại diện theo pháp luật.

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã N1 số tiền dịch vụ bơm nước tưới tiêu còn nợ tổng cộng là 6.874.000đồng (sáu triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, bị đơn Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Bản án số 45/2026/DS-ST ngày 19/3/2026 đối với vụ án “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm nước tưới tiêu” chưa công tâm, khách quan, chưa xem xét đầy đủ vấn đề, chứng cứ, bản chất của vụ án nên ra quyết định bản án chưa khách quan ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1.

oTại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Bà H1 kháng cáo bản án trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà H1 có canh tác phần đất lúa nằm trong ô đề bao do Hợp tác xã phục vụ bơm nước tưới tiêu; Bà H1 cho rằng bà không sử dụng nước tưới tiêu của Hợp tác xã là không đúng, do đất của bà H1 nằm trong ô đề bao; Bà H1 kháng cáo không đồng ý trả tiền cho Hợp tác xã là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng dịch vụ bơm nước tưới tiêu*” là có căn cứ, đúng theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Hợp tác xã N1 là đơn vị thực hiện bơm nước tưới và tiêu cho bà con nông dân canh tác đất lúa nằm trong diện khu A, khóm A, phường A (nay là phường A) với tổng diện tích trong ô bao khoảng hơn 610ha, trong đó có diện tích đất của bà Nguyễn Thị H1 theo bản đồ 299 là 9.288m<sup>2</sup>, theo bản đồ chính quy là 9.548m<sup>2</sup>. Giá thực hiện dịch vụ là 180.000đồng/1.000m<sup>2</sup> đất/ 01 vụ hè thu hoặc thu đông. Từ năm 2024 đến năm 2025, bà H1 đã canh tác 04 vụ mùa (02 vụ hè thu, 02 vụ thu đông) nhưng chưa nộp tiền dịch vụ bơm nước. Tổng cộng số tiền 04 vụ mùa nêu trên mà Hợp tác xã yêu cầu bà H1 thanh toán là 6.874.560đồng, bà H1 không đồng ý và phát sinh tranh chấp. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử, bà H1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của của bà H1, nhận thấy:

[3.1] Hợp tác xã N1 là đơn vị thực hiện việc bơm nước tưới tiêu cho ô đề bao khoảng 610ha đất trồng lúa tại trong diện khu A, khóm A, phường A (nay là phường A). Giá thanh toán dịch vụ được tính theo đơn vị 1.000m<sup>2</sup>. Bà H1 cũng là người canh tác lúa với diện tích theo bản đồ chính quy là 9.548m<sup>2</sup>, nhưng bà H1 không nộp tiền cho Hợp tác xã. Căn cứ biên bản họp dân vào ngày 20/02/2024 (bút lục 42-43) thì tất cả 34 hộ dân trong ô đề bao đồng ý thỏa thuận với Hợp tác xã về việc bơm nước tưới tiêu với giá 180.000đồng/1.000m<sup>2</sup>, thời gian thực hiện là 03 năm. Hộ bà H1 thì không có tham dự buổi họp này, không ký tên. Nay bà H1 cho rằng không có sử dụng nguồn nước của Hợp tác xã N1 nên không đồng ý thanh toán tiền. Xét thấy, lời trình bày của bà H1 là không có cơ sở. Bởi lẽ khu đề bao 610ha đất nông nghiệp trong diện khu A, khóm A, phường A (nay là phường A) được sản xuất theo mô hình gieo sạ đồng loạt, nguồn nước để phục vụ tưới tiêu cho toàn bộ khu đề bao này do Hợp tác xã N1 B cung cấp. Bà H1 cũng là thành viên canh tác lúa trong ô đề bao mà

cho rằng không sử dụng tưới tiêu nước của tập thể là không có cơ sở.

[3.2] Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện từ năm 2019 đến năm 2023 thì bà H1 cũng canh tác lúa trong khu đề bao này nhưng không thực hiện trả tiền, Hợp tác xã N1 đã khởi kiện bà H1 bằng nhiều bản án đang phát sinh hiệu lực pháp luật. Bà H1 vẫn chưa thi hành xong các bản án do Hợp tác xã N1 B khởi kiện. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân Thị Xã Hồng Ngự xét xử do nguyên đơn là Hợp tác xã N1 khởi kiện bà Nguyễn Thị H1, đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử bằng bản án số 30/2020/DS-PT ngày 13/01/2020 đã nhận định “... Qua việc xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất canh tác lúa của bà H1 ở phía Nam giáp với ruộng nước (ruộng phèn) có 04 miệng khai từ ruộng bà H1 ra, bà H1 thừa nhận lấy nước từ ruộng nước này để canh tác, nhưng bà cho rằng ruộng nước này là của chung nông dân và nước do các hộ dân khác thải ra. Tuy nhiên, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A tại Công văn số 351/UBND ngày 13/9/2019 thì ruộng nước (ruộng phèn) này là đất công, mục đích là để phục vụ tưới tiêu cho bà con nông dân, diện tích đất của bà H1 canh tác lúa không thể tự phục vụ bơm nước tưới tiêu được vì là đề bao khép kín, nên chỉ lấy nước từ hợp tác xã phục vụ và Hợp tác xã rút nước ra chống úng...” để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với vụ tranh chấp này thì bà H1 cũng trình bày rằng bà không sử dụng nguồn nước của Hợp tác xã N1 để canh tác lúa là không có cơ sở.

[4] Từ những căn cứ như trên, xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H1 là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, Điều 513, Điều 515, Điều 518 và Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 11 Luật Hợp tác xã;

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2026/DS-ST ngày 19 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N1 do ông Lâm Văn H làm đại diện theo pháp luật.

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã N1 số tiền dịch vụ bơm nước tưới tiêu còn nợ tổng cộng là 6.874.000đồng (sáu triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004595 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 343.700đồng (Ba trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- H2 lại Hợp tác xã N1 B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 344.000đồng (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0006840, ngày 04/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 34, Điều 36, Điều 71, Điều 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực

hiện theo qui định của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên án lúc 8 giờ 00 phút ngày 20/7/2026.

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đạt**